

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

Ngày 31 tháng 3 năm 2012

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán	1- 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính	7 - 47

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.270.496.704.382	3.182.281.693.582
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	8.315.192.849	1.274.128.918
111	1. Tiền		8.315.192.849	1.274.128.918
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	16.1	93.401.388.000	92.419.002.000
121	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn		98.490.461.369	98.490.461.369
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(5.089.073.369)	(6.071.459.369)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		533.983.382.171	455.716.478.718
131	1. Phải thu khách hàng	5	35.848.002.009	40.440.962.550
132	2. Trả trước cho người bán	6	464.049.497.698	380.728.093.060
135	3. Các khoản phải thu khác	7	34.085.882.464	34.547.423.108
139	4. Dự phòng các khoản phải thu		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		2.579.363.552.912	2.581.079.105.463
141	1. Hàng tồn kho	8	2.579.363.552.912	2.581.079.105.463
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		55.433.188.451	51.792.978.483
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		38.970.546	38.794.973
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	55.394.217.905	51.754.183.510

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.929.001.932.347	5.061.093.194.777
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.434.687.778.989	1.516.962.294.318
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	10	555.356.696.850	647.108.647.650
218	2. Phải thu dài hạn khác	11	879.331.082.139	869.853.646.668
220	II. Tài sản cố định		323.686.688.016	322.665.111.489
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	86.171.980.194	85.507.908.428
222	Nguyên giá		115.642.304.204	112.368.371.477
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(29.470.324.010)	(26.860.463.049)
227	2. Tài sản cố định vô hình		16.939.083	19.248.958
228	Nguyên giá		53.056.660	53.056.660
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(36.117.577)	(33.807.702)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	237.497.768.739	237.137.954.103
240	III. Bất động sản đầu tư	14	18.720.967.438	19.281.946.368
241	1. Nguyên giá		22.458.459.700	22.458.459.700
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(3.737.492.262)	(3.176.513.332)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	16.2	3.091.488.394.400	3.137.389.471.099
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.2.1	1.365.567.634.000	1.365.567.634.000
252	2. Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	16.2.2	727.823.491.074	727.823.491.074
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16.2.3	1.365.284.700.000	1.365.084.700.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(367.187.430.674)	(321.086.353.975)
260	V. Tài sản dài hạn khác		60.418.103.504	64.794.371.503
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	36.523.372.240	40.899.640.239
268	2. Tài sản dài hạn khác		23.894.731.264	23.894.731.264
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.199.498.636.729	8.243.374.888.359

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4.663.676.544.892	4.719.182.891.466
310	I. Nợ ngắn hạn		1.724.826.727.318	1.812.802.289.196
311	1. Vay ngắn hạn	18	461.973.882.449	636.225.682.923
312	2. Phải trả người bán	19	26.992.611.162	48.882.805.952
313	3. Người mua trả tiền trước	20	536.350.881.858	525.719.357.992
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	192.435.476.986	221.415.832.744
315	5. Phải trả người lao động		1.768.000	9.116.000
316	6. Chi phí phải trả	22	443.259.071.289	374.630.210.506
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	59.448.756.242	1.544.503.745
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.364.279.333	4.374.779.334
330	II. Nợ dài hạn		2.938.849.817.574	2.906.380.602.270
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.926.135.208	1.926.135.208
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	2.935.666.666.672	2.903.111.111.112
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		1.257.015.694	1.343.355.950
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.535.821.984.337	3.524.191.996.893
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	3.535.822.091.837	3.524.191.996.893
411	1. Vốn điều lệ đã góp		2.957.111.670.000	2.957.111.670.000
412	2. Thặng dư vốn		611.072.430.000	611.072.430.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(364.466.650.000)	(364.466.650.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.223.693.823	2.223.693.823
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		329.880.948.014	318.250.853.070
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.199.498.636.729	8.243.374.888.359

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 31 tháng 3 năm 2012	Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	94.598	25.748
- Yên Nhật Bản (JPY)	-	176.563



Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng
Ngày 31 tháng 3 năm 2012



Đặng Thành Tâm
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1 (năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1 (năm trước)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	144,397,013,332	18,764,099,373	144,397,013,332	18,764,099,373
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	25.1	144,397,013,332	18,764,099,373	144,397,013,332	18,764,099,373
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	26	25,458,873,718	5,069,675,159	25,458,873,718	5,069,675,159
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10- 11)		118,938,139,614	13,694,424,214	118,938,139,614	13,694,424,214
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	10,880,748,708	89,338,282,767	10,880,748,708	89,338,282,767
22	7. Chi phí tài chính	27	106,981,844,453	130,658,790,865	106,981,844,453	130,658,790,865
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		61,762,225,238	60,921,885,483	61,762,225,238	60,921,885,483
24	8. Chi phí bán hàng		770,421,276	5,895,086,959	770,421,276	5,895,086,959
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		12,388,904,659	17,123,741,216	12,388,904,659	17,123,741,216
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+(21-22)- (24+25)}		9,677,717,934	(50,644,912,059)	9,677,717,934	(50,644,912,059)
31	11. Thu nhập khác	28	1,952,270,509	109	1,952,270,509	109
32	12. Chi phí khác	28	1,001	-	1,001	-
40	13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31- 32)	28	1,952,269,508	109	1,952,269,508	109
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)		11,629,987,442	(50,644,911,950)	11,629,987,442	(50,644,911,950)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	-	-	-
52	16. (Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60= 50- 51- 52)		11,629,987,442	(50,644,911,950)	11,629,987,442	(50,644,911,950)

Trần Ngọc Điệp
Kế toán trưởng
Ngày 31 tháng 3 năm 2012



Đặng Thành Tâm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		11.630.094.943	(50.644.911.948)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao/khấu trừ tài sản cố định		3.173.149.765	2.836.329.477
03	Các khoản dự phòng	29	45.118.690.700	65.788.646.700
04	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	27.2	(850.690.638)	(12.556.299.259)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.956.622.954)	(76.583.296.567)
06	Chi phí lãi vay	29	61.762.225.238	60.921.885.483
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		110.876.847.054	(10.237.646.115)
09	Giảm các khoản phải thu		11.995.476.852	402.518.881.600
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.715.552.551	(134.909.487.910)
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		135.788.409.845	174.327.215.721
12	Giảm chi phí trả trước		4.376.092.426	4.877.808.565
13	Tiền lãi vay đã trả		(17.987.936.618)	(43.257.119.299)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.2	(15.000.000.000)	(167.861.244.734)
15	Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.650.534.395)	(3.943.510.730)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		228.113.907.715	221.514.897.097
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản cố định khác		(3.633.747.363)	(6.489.809.728)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(2.851.128.404)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	39.047.676.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(200.000.000)	(116.501.320.000)
28	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		478.227.583	164.661.660
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.355.519.780)	(86.629.920.472)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012	Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		-	(386.347.350.000)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	383.848.710.388
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(217.643.888.888)	(77.516.949.727)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(217.643.888.888)	(80.015.589.339)
50	Tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ		7.114.499.047	54.869.387.286
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		1.274.128.918	247.692.627.549
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(73.435.116)	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	5	8.315.192.849	302.562.014.835

Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ngày 31 tháng 3 năm 2012



Đặng Thành Tâm
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210300012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 27 tháng 3 năm 2002, đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 13 số 2300233993 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2011.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp, thuê mua nhà xưởng hoặc bán nhà do công ty xây dựng trong khu công nghiệp, khu dân cư - đô thị, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô B7, KCN Quế Võ, xã Phương Liễu, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 25/2007/GCNCP-TTLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007. Cổ phiếu của Công ty đã được chuyển sang niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 153/QĐ-SGDHCM do Bộ tài chính cấp ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 là: 171 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 171)

Cơ cấu tổ chức

Công ty có các công ty con sau:

► *Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang*

Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2003000142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bắc Giang cấp ngày 6 tháng 4 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi gần nhất lần thứ 3 ngày 21 tháng 4 năm 2009 với mức vốn điều lệ là 200 tỷ đồng Việt Nam. Quý I/2011, Công ty này tăng vốn điều lệ lên 420 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng, cho thuê hoặc bán nhà, nhà xưởng, kinh doanh các dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư đô thị. Công ty này có trụ sở tại Khu Công nghiệp Quang Châu, xã Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Công ty nắm giữ 62% vốn điều lệ của công ty con này tại ngày 31 tháng 3 năm 2012.

► *Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng*

Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002451 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 20 tháng 7 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi gần nhất lần thứ 2 ngày 24 tháng 6 năm 2009 với mức vốn điều lệ là 200 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng, cho thuê hoặc bán nhà, nhà xưởng, kinh doanh các dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư đô thị. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại Khu công nghiệp Trảng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Công ty nắm giữ 90% vốn điều lệ của công ty con này tại 31 tháng 3 năm 2012.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có các công ty con sau (tiếp theo):

▶ ***Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc***

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303097752 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 4 tháng 11 năm 2003 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi gần nhất lần thứ 6 ngày 6 tháng 4 năm 2011 với mức vốn điều lệ là 500 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng, cho thuê hoặc bán nhà, nhà xưởng, kinh doanh các dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư đô thị. Công ty này có trụ sở tại ấp Trạm Bơm, Quốc lộ 22, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty nắm giữ 60,52% vốn điều lệ của công ty con này tại ngày 31 tháng 3 năm 2012.

▶ ***Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bắc Giang***

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bắc Giang là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 200300507 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp lần đầu ngày 5 tháng 3 năm 2010 với mức vốn điều lệ là 3.000 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính của công ty này là đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác các công trình nguồn và lưới điện. Sản xuất và kinh doanh điện. Nhập khẩu thiết bị, phụ tùng, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh điện, quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, các công trình điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty này có trụ sở tại Khu công nghiệp Quang Châu, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ của công ty con này tại ngày 31 tháng 3 năm 2012.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập cho mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Ban Giám đốc Công ty.

Người sử dụng các báo cáo tài chính riêng cần đọc các báo cáo tài chính riêng này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 3.8 và 3.9, các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc (giá gốc là giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại) và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại được xác định như sau:

Giá gốc của đất và cơ sở hạ tầng chưa chuyển nhượng	-	Bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh và các cơ sở hạ tầng khác phát sinh để đưa các lô đất và hạ tầng liên quan vào sử dụng. Giá gốc của đất và hạ tầng liên quan chưa chuyển nhượng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
---	---	--

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá v.v.) có thể xảy ra đối với thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 25 năm
Chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng	45 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Lợi thế thương mại	10 năm
Phần mềm máy tính	4 năm

Theo định kỳ, thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng	8 năm
Chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng	45 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu niêm yết, chưa niêm yết và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm và các khoản cho vay ngắn hạn. Các khoản đầu tư dài hạn bao gồm các loại cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết có thời gian đầu tư dự kiến trên một năm và các khoản cho vay dài hạn.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong năm.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm:

- ▶ Chi phí thuê trả trước được phân bổ cho thời hạn thuê trả trước;
- ▶ Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ trong thời gian 5 năm; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

- ▶ Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như sau:

<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo</i>	
	<i>CMKTVN 10</i>	<i>Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán riêng và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán riêng và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong vòng 5 năm tiếp theo.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng

Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với lô đất cho người mua và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu bán nhà xưởng

Doanh thu bán nhà xưởng được ghi nhận khi Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với nhà xưởng cho người mua và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu cho thuê nhà xưởng

Doanh thu từ tiền cho thuê nhà xưởng theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu dịch vụ cung cấp được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng và được xác định là giá trị thuần sau khi trừ các khoản chiết khấu, thuế giá trị gia tăng và các khoản giảm giá.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 *Giá vốn đất và cơ sở hạ tầng cho thuê*

Giá vốn đất và cơ sở hạ tầng cho thuê bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất và nhà hoặc các chi phí có thể phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- ▶ Toàn bộ các chi phí về đất và phát triển đất;
- ▶ Toàn bộ các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng;

Các chi phí bắt buộc, không thu hồi được khác phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản liên quan đến các hoạt động phát triển đất và cơ sở hạ tầng hiện tại và trong tương lai của dự án như cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung, quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng.

3.19 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính .

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán .

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	303.723.486	654.353.167
Tiền gửi ngân hàng	8.011.469.363	619.775.751
TỔNG CỘNG	8.315.192.849	1.274.128.918

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu thương mại (*)	34.181.320.461	38.774.281.002
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.666.681.548	1.666.681.548
TỔNG CỘNG	35.848.002.009	40.440.962.550

(*) Phải thu thương mại bao gồm các khoản phải thu có số dư lớn sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc	746.064.000	7.906.057.264
Phải thu từ các khách hàng khác	33.435.256.461	30.868.223.738
TỔNG CỘNG	34.181.320.461	38.774.281.002

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc (*)	309.124.828.125	231.537.826.125
Công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Cửu Long - Chi nhánh Bắc Ninh (**)	83.439.340.781	80.268.302.631
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc	28.480.644.700	29.021.599.380
Foster and Partners Limited	29.159.200.000	29.159.200.000
Trả trước cho người bán khác	13.845.484.092	10.741.164.924
TỔNG CỘNG	464.049.497.698	380.728.093.060

(*) Theo hợp đồng số 01/2008/HD-KBC ngày 10 tháng 1 năm 2008 và hợp đồng số 10/02/KBC-2012 giữa Công ty và công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc sẽ thay mặt Công ty tiến hành các thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng cho một số lô đất thuộc các dự án đang triển khai của Công ty và xây dựng khu công nghiệp Nam Sơn Hợp Lĩnh. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty đã trả trước cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc với số tiền tương ứng là 309.124.828.125 đồng Việt Nam cho việc thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng.

(**) Đây là khoản tạm ứng cho công ty Cổ phần Phát triển Xây dựng Cửu Long - Chi nhánh Bắc Ninh cho mục đích xây dựng cơ sở hạ tầng của Khu công nghiệp Quế Võ Mở rộng và Khu đô thị Phúc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Phải thu Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiền hỗ trợ giá cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng (i)	19.440.000.000	19.440.000.000
Phải thu Ủy ban Nhân dân Xã Vân Dương	2.228.672.000	2.228.672.000
Cho vay không lãi (ii)	1.500.000.000	1.500.000.000
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	850.000.000	850.000.000
Phải thu khác	10.067.210.464	10.528.751.108
TỔNG CỘNG	<u>34.085.882.464</u>	<u>34.547.423.108</u>

(i) Theo Biên bản họp liên ngành giữa Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Bắc Ninh, Ban quản lý các khu công nghiệp và Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP ngày 14 tháng 8 năm 2007 và Quyết định về việc hỗ trợ vốn đầu tư cho doanh nghiệp số 1951/QĐ - UBND ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh cam kết hỗ trợ giá cho thuê lại đất có cơ sở hạ tầng thông qua dự án đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Quế Võ của Công ty. Theo đó, số tiền hỗ trợ đầu tư cho Công ty là 19,44 tỷ đồng Việt Nam từ nguồn Ngân sách tỉnh được dùng để đầu tư dự án nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Quế Võ.

(ii) Các khoản phải thu này không có lãi, chi tiết như sau:

	<i>Số dư cho vay VNĐ</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Thời hạn trả nợ vay</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Hàm Tân	1.000.000.000	0%	19 tháng 1 năm 2012	Tín chấp
Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Ninh Thuận	500.000.000	0%	11 tháng 1 năm 2012	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>1.500.000.000</u>			

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		
Dự án Khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu	74.469.567.383	92.933.413.435
Dự án Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng	241.736.117.464	235.598.509.968
Dự án Khu đô thị Phúc Ninh	103.735.481.482	100.476.768.811
Dự án Khu công nghiệp và Khu đô thị Trảng Cát (*)	1.994.321.700.507	1.992.482.145.052
Dự án Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh	130.994.627.548	125.527.544.215
Dự án Khu nhà thu nhập thấp	21.389.153.976	21.343.819.431
Khác	12.716.904.551	12.716.904.551
TỔNG CỘNG	<u>2.579.363.552.912</u>	<u>2.581.079.105.463</u>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 bao gồm giá trị quyền sử dụng các lô đất tại khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu, Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, Khu đô thị Phúc Ninh, khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh và các dự án khác do Công ty thực hiện đang được phát triển cho mục đích bán lại, và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng phát sinh trong quá trình phát triển các khu công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

(*) Theo hợp đồng số 2006/2011/HĐKT/KBC-KĐT.ĐTTC.HP ngày 20 tháng 6 năm 2011 giữa Công ty và công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc thay mặt Công ty tiến hành thực hiện dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận đầu tư, giải phóng mặt bằng cho việc xây dựng phát triển Khu công nghiệp và Khu đô thị Trảng Cát Hải Phòng. Trong năm 2011, Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc đã thực hiện dịch vụ xin cấp giấy chứng nhận đầu tư, giải phóng mặt bằng và tái định cư cho việc xây dựng phát triển Khu công nghiệp và Khu đô thị Trảng Cát tại thành phố Hải Phòng với tổng giá trị thực hiện là 1.980.049.600.000 đồng Việt Nam.

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Tạm ứng cho nhân viên	21.353.089.501	17.713.055.106
<i>Tạm ứng cho các bên liên quan (thuyết minh số 32)</i>	<i>14.774.291.577</i>	<i>12.158.402.000</i>
<i>Tạm ứng cho các nhân viên khác</i>	<i>6.578.797.924</i>	<i>5.554.653.106</i>
Đặt cọc (*)	34.041.128.404	34.041.128.404
TỔNG CỘNG	<u>55.394.217.905</u>	<u>51.754.183.510</u>

(*) Khoản đặt cọc tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 bao gồm các khoản đặt cọc của Công ty để mua bán cổ phần của các công ty khác.

10. PHẢI THU DÀI HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Phải thu thương mại dài hạn	451.226.696.850	542.978.647.650
Phải thu dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	104.130.000.000	104.130.000.000
TỔNG CỘNG	<u>555.356.696.850</u>	<u>647.108.647.650</u>

Phải thu thương mại dài hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 là khoản phải thu từ việc bán nhà xưởng và cho thuê đất khu công nghiệp với chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kinh Bắc	85.032.167.000	93.553.461.800
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc (*)	190.642.532.219	106.163.188.219
Phạm Thị Lê (**)	91.125.000.000	91.125.000.000
Sầm Thị Hương	-	83.835.000.000
Quách Thị Nga	-	83.875.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn (*)	84.426.997.631	84.426.997.631
TỔNG CỘNG	<u>451.226.696.850</u>	<u>542.978.647.650</u>

10. PHẢI THU DÀI HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

(*) Theo Phụ lục hợp đồng số 106B/PLHD-QVMR/2011 ngày 25 tháng 12 năm 2011 với Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc và Phụ lục hợp đồng số 102B/PLHD-QVMR/2011 ngày 25 tháng 12 năm 2011 với Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Sài Gòn, khoản phải thu với số tiền tương ứng là 106.163.188.219 đồng và 84.426.997.631 đồng từ các công ty này được cam kết thanh toán trong vòng 2 năm và có lãi là 20%/năm.

(**) Khoản phải thu này được khách hàng cam kết thanh toán chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo cam kết ký ngày 31 tháng 12 năm 2011.

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Lãi cho vay (*)	71.704.109.589	71.704.109.589
Lãi trả chậm	9.477.435.417	
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần (**)	11.219.017.120	11.219.017.120
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	786.930.519.959	786.930.519.959
<i>Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần</i>	<i>254.417.659.750</i>	<i>254.417.659.750</i>
<i>Lãi cho vay (***)</i>	<i>215.386.027.397</i>	<i>215.386.027.397</i>
<i>Cho vay không có lãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Gốc trái phiếu KBCbond005 cho công ty con vay lại</i>	<i>317.126.832.812</i>	<i>317.126.832.812</i>
TỔNG CỘNG	<u>879.331.082.139</u>	<u>869.853.646.668</u>

(*) Đây là khoản lãi phải thu từ khoản vay cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc theo hợp đồng số 1412/2009/HĐV-KBI vay thời hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Gốc vay của khoản vay này đã được thanh toán cho Công ty trong tháng 12 năm 2011.

(**) Đây là khoản phải thu từ Phạm Thị Yến từ việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Kinh Bắc với số tiền là 11.219.017.120 đồng Việt Nam. Khoản phải thu này đã được khách hàng cam kết thanh toán chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo cam kết ký ngày 31 tháng 12 năm 2011 và đã được chuyển từ phải thu ngắn hạn khác sang thành khoản phải thu dài hạn khác.

(***) Chi tiết khoản lãi phải thu từ các khoản cho vay dài hạn như sau:

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số dư cho vay</i>	<i>Lãi phải thu</i>
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Đà Nẵng	-	113.745.452.055
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Cần Thơ	-	101.640.575.342
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>215.386.027.397</u>

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc (bao gồm chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng)</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	85.458.919.561	4.499.806.852	16.292.805.920	5.299.885.897	816.953.247	112.368.371.477
Mua mới trong năm						
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.273.932.727	-	-	-	3.273.932.727
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>85.458.919.561</u>	<u>7.773.739.579</u>	<u>16.292.805.920</u>	<u>5.299.885.897</u>	<u>816.953.247</u>	<u>115.642.304.204</u>
Giá trị hao mòn:						
Số dư đầu năm	14.680.952.624	1.027.539.339	7.363.815.500	3.325.321.657	462.833.929	26.860.463.049
Tăng trong năm	1.826.368.257	212.266.620	443.891.820	103.740.514	23.593.750	2.609.860.961
Tăng/(giảm) do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>16.507.320.878</u>	<u>1.239.805.959</u>	<u>7.807.707.320</u>	<u>3.429.062.173</u>	<u>486.427.679</u>	<u>29.470.324.008</u>
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	<u>70.777.966.937</u>	<u>3.472.267.513</u>	<u>8.928.990.420</u>	<u>1.974.564.240</u>	<u>354.119.318</u>	<u>85.507.908.428</u>
Số dư cuối năm	<u>68.951.598.683</u>	<u>6.533.933.620</u>	<u>8.485.098.600</u>	<u>1.870.823.724</u>	<u>330.525.568</u>	<u>86.171.980.196</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu - Hệ thống cấp nước	1.928.326.364	1.928.326.364
Khu công nghiệp Quế võ Mở rộng - Nhà máy nước thải	8.166.674.718	8.202.423.719
Dự án Khách sạn Hoa Sen Hà Nội (*)	117.731.146.946	117.731.146.946
Khu ngoại giao đoàn Hà Nội (**)	106.555.116.818	106.159.553.182
Nhà máy Nhiệt điện Bắc Giang	3.116.503.893	3.116.503.892
TỔNG CỘNG	237.497.768.739	237.137.954.103

(*) Theo Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2010, Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã lựa chọn Công ty làm Chủ đầu tư Dự án Khách sạn Hoa sen Hà Nội. Dự án này sẽ được xây dựng trên lô đất có diện tích khoảng 40.484m². Chi phí đã phát sinh bao gồm 5,5 triệu đô la Mỹ hỗ trợ cho UBND thành phố Hà Nội, chi phí tư vấn thiết kế trả cho nhà thầu nước ngoài và một số chi phí khác.

(**) Theo Hợp đồng chuyển nhượng hạ tầng kỹ thuật số 2592/2009/HANCORP-KBC ngày 5 tháng 10 năm 2009, Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội chuyển nhượng hạ tầng kỹ thuật để Công ty xúc tiến việc thực hiện dự án đầu tư xây dựng trụ sở, cơ quan đại diện, tổ chức quốc tế. Theo đó, diện tích đất 20.000 m² của Dự án và quyền thực hiện Dự án được chuyển giao cho Công ty từ ngày 6 tháng 10 năm 2009.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Nhà xưởng (bao gồm chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng)</i>	
Nguyên giá:		
Số dư đầu năm		22.458.459.700
- Tăng trong năm		-
- Giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>22.458.459.700</u>
Giá trị hao mòn:		
Số dư đầu năm		3.176.513.332
- Tăng trong năm		560.978.929
- Giảm trong năm		-
Số dư cuối năm		<u>3.737.492.261</u>
Giá trị còn lại:		
Số dư đầu năm		<u>19.281.946.368</u>
Số dư cuối năm		<u>18.720.967.438</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay tổng cộng là 25.083.474.259 đồng Việt Nam. Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến khoản vay nhằm đầu tư xây dựng phát triển Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng, Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh, Khu đô thị Phúc Ninh và các dự án đầu tư xây dựng cơ bản khác của Công ty. Chi phí đi vay đã vốn hóa bao gồm tiền lãi, chi phí liên quan đến việc thu xếp các khoản vay sau khi đã trừ đi lãi nhận được từ khoản tiền vay rút về nhàn rồi.

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

16.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị (đồng Việt Nam)	Số lượng	Giá trị (đồng Việt Nam)
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu niêm yết	218.308	7.490.461.369	218.308	7.490.461.369
Tiền gửi có kỳ hạn (*)		91.000.000.000		91.000.000.000
Tổng giá trị đầu tư tài chính ngắn hạn		98.490.461.369		98.490.461.369
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(5.089.073.369)		(6.071.459.369)
TỔNG CỘNG		93.401.388.000		92.419.002.000

(*)Tiền gửi có kỳ hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt có thời gian đáo hạn dưới 1 năm và có lãi suất điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Lãi suất tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 là 10,49%/năm. Theo hợp đồng vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt, khoản tiền gửi này đang được thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng này (Thuyết minh số 24.1)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn

	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Đầu tư vào công ty con	16.2.1	1.365.567.634.000	1.365.567.634.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	16.2.2	727.823.491.074	727.823.491.074
Đầu tư dài hạn khác	16.2.3	1.365.284.700.000	1.365.084.700.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	16.2.2, 16.2.3	(367.187.430.674)	(321.086.353.975)
TỔNG CỘNG		3.091.488.394.400	3.137.389.471.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VNĐ	Tỷ lệ sở hữu	VNĐ	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang	235.501.320.000	62%	235.501.320.000	62%
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	468.000.000.000	90%	468.000.000.000	90%
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc	662.066.314.000	60,52%	662.066.314.000	60,52%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bắc Giang	-	51%	-	51%
TỔNG CỘNG	<u>1.365.567.634.000</u>		<u>1.365.567.634.000</u>	

Chi tiết thông tin về các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang	Bắc Giang	62%	Cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng, cho thuê hoặc bán nhà, nhà xưởng, kinh doanh các dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư đô thị.
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	Hải Phòng	90%	Cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng, cho thuê hoặc bán nhà, nhà xưởng, kinh doanh các dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư đô thị.
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn - Tây Bắc	Hồ Chí Minh	60,52%	Cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng, cho thuê hoặc bán nhà, nhà xưởng, kinh doanh các dịch vụ khu công nghiệp, khu dân cư đô thị.
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bắc Giang	Bắc Giang	51%	Đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác các công trình nguồn và lưới điện. Sản xuất và kinh doanh điện. Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình điện, công trình kiến trúc của nhà máy điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

16.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Thuyết minh	Tỷ lệ biểu quyết năm giữ	Số cổ phần		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	
		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ			
Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau	(i)	20%	1.000.000	1.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bình Phước	(ii)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn - Dung Quất	(iii)	40%	200.000	200.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu Công nghệ cao Sài Gòn	(iv)	27,44%	8.233.083	8.233.083	82.330.830.000	82.330.830.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Nam Việt	(v)	20%	2.000.000	2.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	(vi)	21,48%	15.896.923	15.896.923	423.492.661.074	423.492.661.074
Công ty Cổ phần Thủy điện SGI - Lào	(vii)	29,20%	19.000.000	19.000.000	190.000.000.000	190.000.000.000
TỔNG CỘNG					727.823.491.074	727.823.491.074

(i) Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau

Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 18 tháng 12 năm 2006, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 số 2000464968 ngày 9 tháng 6 năm 2010 với mức vốn điều lệ là 70.000.000.000 đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo giấy phép của đơn vị là kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình; lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại đường Lê Hồng Phong, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

(ii) Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bình Phước

Trong năm, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bình Phước đã tăng vốn từ 100.000.000.000 đồng Việt Nam lên 180.000.000.000 đồng Việt Nam trong đó phần tỷ lệ vốn góp của Công ty trong công ty này giảm từ 20% xuống 19% và do đó giá trị khoản đầu tư vào Công ty này đã được chuyển sang thành khoản đầu tư dài hạn.

(iii) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn - Dung Quất

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn - Dung Quất được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000199 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 11 tháng 10 năm 2007, với mức vốn điều lệ là 200.000.000.000 đồng Việt Nam, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 1 ngày 20 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính theo giấy phép của đơn vị là đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp, khu dân cư; tư vấn xây dựng, xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất vật liệu xây dựng và trang trí nội thất; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ; kinh doanh và phát triển nhà ở, văn phòng, kho bãi; dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế; dịch vụ vui chơi giải trí và các dịch vụ tiện ích công cộng khác; dịch vụ thương mại, các dịch vụ điện tử và tin học; đại lý mua bán ký gửi hàng hóa; dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa; sản xuất và gia công các loại sản phẩm giấy và bột giấy; đầu tư tài chính. Địa chỉ đăng ký của công ty này đặt tại 340 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

16.2.2 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

(iv) Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao Sài Gòn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng Khu Công nghệ cao Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 1 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất ngày 2 tháng 7 năm 2009 với mức vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo giấy phép của đơn vị là đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hạ tầng kỹ thuật, căn hộ để bán và cho thuê, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại dịch vụ; thi công xây dựng các công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, cầu đường, thủy lợi; kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách; tư vấn đầu tư, quản lý doanh nghiệp, tư vấn xây dựng; môi giới thương mại; dịch vụ kê khai hải quan; kinh doanh nhà hàng ăn uống, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, du lịch. Công ty này có trụ sở tại lô 6-1, Tòa nhà Ree, số 364 đường Cộng Hoà, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(v) Công ty Cổ phần Địa ốc Nam Việt

Công ty Cổ phần Địa ốc Nam Việt được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103008130 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 10 năm 2007, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 6 số 0305281820 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 5 năm 2010. Tổng vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo giấy phép của công ty này là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường; san lấp mặt bằng; mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất; đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa; sản xuất lắp dựng khung nhà thép tiền chế; kinh doanh bất động sản. Công ty này có trụ sở tại 138 Phan Xích Long, phường 2, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vi) Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000992 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 5 năm 2002, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 ngày 3 tháng 7 năm 2009. Tổng vốn điều lệ của Công ty là 672.749.980.000 đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo giấy phép của công ty này là mua bán máy vi tính, thiết bị điện tử, vật tư, thiết bị bưu chính viễn thông; mua bán, lắp đặt thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin; tư vấn kỹ thuật ngành tin học; thiết kế lắp đặt hệ thống máy tính; xây dựng khu công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi. Công ty này có trụ sở tại Lô 46, công viên Phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 4 năm 2011, các cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn đã thông qua việc hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty chưa tiến hành việc hủy niêm yết này.

(vii) Công ty cổ phần thủy điện SGI - Lào

Công ty nắm giữ trực tiếp 19% tỷ lệ biểu quyết và nắm giữ gián tiếp thông qua công ty Cổ phần Nhiệt điện Bắc Giang 10,4% tỷ lệ quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Thủy điện SGI - Lào. Công ty này được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104761136 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 6 năm 2010, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 12 tháng 10 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng Việt Nam. Hoạt động chính theo giấy phép của công ty này là sản xuất, truyền tải, phân phối bán buôn và bán lẻ điện; sản xuất và mua bán vật liệu, thiết bị xây dựng, máy móc thiết bị, vật liệu ngành điện; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; đào tạo vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy điện và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Công ty này có trụ sở tại tầng 4, Tòa nhà Nikko, 27 Nguyễn Trường Tộ, phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.3 Đầu tư dài hạn khác

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Thuyết minh	Số cổ phần		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ		
Các khoản cho vay và tiền gửi có kỳ hạn				
Đầu tư dài hạn khác cho các bên liên quan	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
			1.365.284.700.000	1.365.084.700.000
Các khoản đầu tư				
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Cần Thơ (1)	1.000.000	1.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Nhơn Hội (2)	1.000.000	1.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư Sài Gòn - Huế (3)	2.373.200	2.373.200	23.732.000.000	23.732.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn - Quy Nhơn (4)	6.900.000	6.900.000	339.000.000.000	339.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng (5)	3.900.000	3.900.000	39.000.000.000	39.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (6)	150	150	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Vật liệu Xây dựng Sài Gòn (7)	950.000	950.000	11.352.500.000	11.352.500.000
Công ty Cổ phần Truyền Thông VTC - Saigontel (8)	3.070.020	3.070.020	30.700.200.000	30.700.200.000
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Hàm Tân (9)	70.000	70.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ủy thác đầu tư vào Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam – CTCP (10)	30.000.000	30.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Gòn - Tân Kỳ (11)	250.000	250.000	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận (12)	350.000	350.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định (13)	48.300.000	48.300.000	483.000.000.000	483.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 4 (14)	5.130.000	5.130.000	51.300.000.000	51.300.000.000
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn – Bình Phước (15)	190.000	190.000	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Sài Gòn - Long An (16)	-	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Tây Ninh (17)	-	-	100.000.000	-
Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh (18)	2.000.000	2.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (18)			(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Giá trị thuần các khoản đầu tư dài hạn			1.345.284.700.000	1.345.084.700.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.3 Đầu tư dài hạn khác

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000132 ngày 31 tháng 1 năm 2005, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Cần Thơ là 100 tỷ đồng Việt Nam, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 10% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp 10 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 10% vốn điều lệ.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 35.03.000070 ngày 24 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 2 tháng 1 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Nhơn Hội là 100 tỷ đồng Việt Nam, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 10% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp 10 tỷ đồng Việt Nam, tương đương 10% vốn điều lệ.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 31.03.000255 ngày 9 tháng 10 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Huế là 200 tỷ đồng Việt Nam, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 19% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp 23,73 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 11,86 % vốn điều lệ. Công ty này đang trong giai đoạn triển khai hoạt động.
- (4) Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 353.031.000005 ngày 11 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 2 tháng 3 năm 2011, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khoáng Sản Sài Gòn - Quy Nhơn là 1.200 tỷ đồng Việt Nam. Đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đang sở hữu 6.900.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam), tương đương với 5,75% vốn điều lệ của công ty này.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 4 năm 2011, các cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản Sài Gòn - Quy Nhơn đã thông qua việc hủy niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty chưa tiến hành việc hủy niêm yết này.

- (5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 04.00.503777 ngày 3 tháng 8 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 18 tháng 8 năm 2009, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng là 200 tỷ đồng Việt Nam, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 19,5% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2012, Công ty đã góp được 39 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 19,5% vốn điều lệ.
- (6) Theo thông báo số 08/TB-UBCK ngày 15 tháng 1 năm 2008 của UBCK Nhà nước về việc xác nhận thành lập Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Y Tế Bản Việt (VCHF), vốn điều lệ của Quỹ là 500 tỷ đồng. Đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp 15 tỷ đồng Việt Nam vào Quỹ này.
- (7) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001931 ngày 19 tháng 11 năm 2003, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14 tháng 5 năm 2004, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng & Vật liệu Xây dựng Sài Gòn là 50 tỷ đồng Việt Nam, trong đó tỷ lệ vốn góp cam kết của Công ty chiếm 10% so với vốn điều lệ. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đang sở hữu 950.000 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam) chiếm 19% vốn điều lệ công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.3 Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

- (8) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025781 ngày 11 tháng 7 năm 2008, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Truyền Thông VTC - Saigontel là 160 tỷ đồng Việt Nam, trong đó tỷ lệ vốn góp của Công ty là 19,2% so với vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 30.700.200.000 VNĐ, đạt tỷ lệ 19,19% so với vốn điều lệ phải góp.
- (9) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41.03.000892 ngày 25 tháng 3 năm 2002, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 16 tháng 6 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn - Hàm Tân là 108 tỷ đồng Việt Nam. Đến thời điểm ngày 30 tháng 9 năm 2011, Công ty đã góp vốn vào công ty này với số tiền là 7 tỷ đồng Việt Nam, chiếm 6,5% vốn điều lệ. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đang cho công ty này vay 1 tỷ đồng Việt Nam như trình bày trong thuyết minh số 7.
- (10) Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn để mua lại 6% vốn điều lệ của Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam - CTCP. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 01.03.019365 ngày 31 tháng 8 năm 2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 10 tháng 2 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam - CTCP là 5.000 tỷ đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 300 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 6% vốn điều lệ.
- (11) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2901077019 ngày 15 tháng 5 năm 2009, và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 17 tháng 8 năm 2009, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Gòn - Tân Kỳ là 350 tỷ đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 2,5 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 0,7% vốn điều lệ.
- (12) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4803000122 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26 tháng 9 năm 2007, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận là 1.000 tỷ đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 3,5 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 0,35% vốn điều lệ.
- (13) Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 350300174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2009. Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn – Bình Định là 10.000 tỷ đồng Việt Nam trong đó 4.300 tỷ đồng đã được các cổ đông sáng lập cam kết góp. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 483 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 11,23% tổng vốn điều lệ đã được các cổ đông sáng lập cam kết góp. Công ty này có trụ sở tại số 160, Tầng Bạt Hồ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- (14) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4000775212 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 22 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 15 tháng 11 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Sông Tranh 4 là 270 tỷ đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 51,3 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 19% vốn điều lệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

16.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

16.2.3 Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

- (15) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800339968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 19 tháng 6 năm 2006 điều chỉnh lần thứ hai ngày 16 tháng 8 năm 2011, tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bình Phước là 180.000.000.000 đồng Việt Nam. Đến ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 19 tỷ đồng Việt Nam, tương đương với 10,56% vốn điều lệ.
- (16) Theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000256 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 19 tháng 09 năm 2007. Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghiệp Sài Gòn- Long An là 200 tỷ đồng Việt Nam. Tính đến ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 100 triệu đồng Việt Nam, tương đương 0,05% vốn điều lệ.
- (17) Theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3900918535 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 14 tháng 09 năm 2010. Tổng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn- Tây Ninh là 200 tỷ đồng Việt Nam. Tính đến 31 tháng 3 năm 2012, Công ty đã góp được 100 triệu đồng Việt Nam, tương đương 0,05% vốn điều lệ.
- (18) Đây là khoản đầu tư vào Trường Đại học Hùng Vương Thành phố Hồ Chí Minh. Theo thỏa thuận trong hợp đồng và giữa các cổ đông góp vốn khoản đầu tư này là bất vụ lợi do đó Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ cho phần giá trị vốn đã góp.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Phí phát hành, bảo lãnh phát hành trái phiếu	36.256.547.841	40.525.108.102
Chi phí trả trước khác	266.824.399	374.532.137
TỔNG CỘNG	<u>36.523.372.240</u>	<u>40.899.640.239</u>

18. VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Vay ngắn hạn từ ngân hàng liên quan (Thuyết minh số 32)	31.100.000.000	31.100.000.000
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	272.584.830.502	462.339.830.502
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	158.289.051.947	142.785.852.421
TỔNG CỘNG	<u>461.973.882.449</u>	<u>636.225.682.923</u>

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 như sau:

<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>					
	<i>Hợp đồng</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Thời hạn và</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức</i>
		<i>VNĐ</i>	<i>ngày đáo hạn</i>		<i>thế chấp/ đảm bảo</i>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng liên quan</i>					
Ngân hàng TMCP Nam Việt Chi nhánh Hà Nội	Hợp đồng số 011/10/HDTD/104-11 ký ngày 1 tháng 12 năm 2011	30.000.000.000	1 tháng 12 năm 2012	24,32%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai của lô đất BT-24.1 tại Khu đô thị Phúc Ninh
	Hợp đồng số 012/10/HDTD/104-11 ký ngày 30 tháng 12 năm 2011	<u>1.100.000.000</u>	30 tháng 6 năm 2012	24,32%/năm	Tài sản đảm bảo - ba ô tô INNOVA
		<u>31.100.000.000</u>			
<i>Vay ngắn hạn từ các bên liên quan</i>					
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	Thỏa thuận số 02/2009/TTV-SHP-KBC	148.254.000.502	31 tháng 12 năm 2012	0%/năm	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ Cao Sài Gòn	Hợp đồng số 05-2011/HĐVV	82.330.830.000	30 tháng 6 năm 2016	0,01%/tháng	Tín chấp
	Hợp đồng số 06-2010/HĐVV	30.000.000.000	31 tháng 12 năm 2012	0,01%/tháng	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	Hợp đồng số 20122011/KBC-VCN ký ngày 20 tháng 12 năm 2011	<u>12.000.000.000</u>	20 tháng 6 năm 2012	0%/năm	Tín chấp
	TỔNG CỘNG	<u>272.584.830.502</u>			

Công ty sử dụng các khoản vay trên cho mục đích phục vụ cho các dự án phát triển khu công nghiệp, khu đô thị, các dự án đầu tư khác và để bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Phải trả thương mại	26.975.451.162	48.856.075.952
Phải trả các bên liên quan	17.160.000	26.730.000
TỔNG CỘNG	<u>26.992.611.162</u>	<u>48.882.805.952</u>

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Trả trước tiền thuê đất có cơ sở hạ tầng tại khu công nghiệp	37.117.465.136	26.489.835.792
Đặt cọc mua nhà và quyền sử dụng đất khu Phúc Ninh	439.229.522.200	439.229.522.200
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 32)	60.000.000.000	60.000.000.000
Khác	3.894.522	-
TỔNG CỘNG	<u>536.350.881.858</u>	<u>525.719.357.992</u>

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Thuế giá trị gia tăng	147.855.845.269	162.004.362.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 31.2)	39.609.354.027	54.609.354.027
Thuế thu nhập cá nhân	392.482.246	224.320.737
Các loại thuế khác	4.577.795.444	4.577.795.444
TỔNG CỘNG	<u>192.435.476.986</u>	<u>221.415.832.744</u>

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng dự chi đối với phần doanh thu đã được ghi nhận	264.419.905.921	272.072.703.240
<i>Khu công nghiệp Quế Võ hiện hữu</i>	<i>63.252.705.052</i>	<i>59.257.952.568</i>
<i>Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng</i>	<i>159.141.100.151</i>	<i>163.822.280.823</i>
<i>Khu đô thị Phúc Ninh</i>	<i>42.026.100.718</i>	<i>48.992.469.849</i>
Chi phí lãi vay phải trả	99.824.792.798	59.120.552.365
Chi phí phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 32)	73.316.500.199	37.443.528.800
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.068.312.833	1.068.312.833
Các chi phải trả khác	4.629.559.537	4.925.113.268
TỔNG CỘNG	<u>443.259.071.289</u>	<u>374.630.210.506</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	57.444.535.519	-
Phải trả khác	2.004.220.723	1.544.503.745
TỔNG CỘNG	<u>59.448.756.242</u>	<u>1.544.503.745</u>

24. VAY DÀI HẠN

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích tài trợ cho việc phát triển các khu công nghiệp, khu đô thị và các dự án đầu tư khác của Công ty. Số dư các khoản vay dài hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Công ty như sau:

		<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
		<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu kỳ</i>
Vay ngân hàng	24.1	393.955.718.619	345.896.963.533
Trong đó:			
Vay ngân hàng		307.222.222.224	255.111.111.112
Vay dài hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 32)		86.733.496.395	90.785.852.421
Trái phiếu	24.2	2.700.000.000.000	2.700.000.000.000
Trong đó:			
Phát hành cho ngân hàng		1.200.000.000.000	1.200.000.000.000
Phát hành cho bên liên quan (Thuyết minh số 32)		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
TỔNG CỘNG		<u>3.093.955.718.619</u>	<u>3.045.896.963.533</u>
Trong đó			
Vay dài hạn		2.935.666.666.672	2.903.111.111.112
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)		158.289.051.947	142.785.852.421

24.1 Vay ngân hàng

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng		<i>Số dư</i>	<i>Lãi suất</i>
		<i>VNĐ</i>	<i>%/năm</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	(*)	307.222.222.224	Từ 20% đến 22%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	(**)	86.733.496.395	14%
		<u>393.955.718.619</u>	

(*) Các khoản vay được thế chấp và đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai thuộc dự án đầu tư và quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế liên quan đến vốn vay tại Khu công nghiệp Quế Võ mở rộng và Khu công nghiệp Nam Sơn - Hạp Lĩnh.

(**) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt và được thế chấp bằng bằng hợp đồng tiền gửi 91 tỷ đồng Việt Nam tại chính ngân hàng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY DÀI HẠN (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu

Chi tiết trái phiếu đã phát hành của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2012 như sau:

<i>Trái phiếu</i>	<i>Loại trái phiếu</i>	<i>Số lượng trái phiếu</i>	<i>Mệnh giá</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Thời hạn trái phiếu</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
KBC Bond 001	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng Công thương Việt Nam	7.000.000	VND 100.000	11,50%/năm	5 năm	Toàn bộ các tài sản hình thành từ chi phí đầu tư mà Công ty đã đầu tư và sẽ đầu tư trong tương lai vào KCN Quế Võ mở rộng và 45 héc ta Khu đô thị Phúc Ninh
KBC Bond 002	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	3.000.000	100.000	12,50%/năm	5 năm	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn huy động
KBC Bond 003	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	2.000.000	100.000	12,50%/năm	5 năm	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn huy động
KBC Bond 004	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	4.000.000	100.000	12%/năm	5 năm	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn huy động
KBC Bond 005 (*)	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000	100.000	Lãi suất 17,5% và điều chỉnh theo năm	5 năm	Đảm bảo bằng 11,63 triệu cổ phiếu SGT và 3,25 triệu cổ phiếu KBC của ông Đặng Thành Tâm
KBC Bond 006	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	3.000.000	100.000	12%/năm	5 năm	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn huy động
KBC Bond 007	Trái phiếu doanh nghiệp có bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	3.000.000	100.000	11,5%/năm	5 năm	Thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn huy động
TỔNG CỘNG		27.000.000				

(*) Theo thỏa thuận số 2812/KBC-SBG/2009 giữa Công ty và công ty Cổ phần khu Công nghiệp Sài Gòn – Bắc Giang ngày 28 tháng 12 năm 2009, Công ty sẽ phát hành trái phiếu KBCbond005 và chuyển số tiền thu được từ phát hành trái phiếu cho Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang để sử dụng cho dự án khu đô thị Quang Châu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Vốn điều lệ đã góp</i>	<i>Thặng dư vốn</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
Kỳ trước							
Số dư đầu năm	2.957.111.670.000	611.072.430.000	(364.466.650.000)	-	2.223.693.823	370.370.657.075	3.576.311.800.898
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(52.119.804.005)	(52.119.804.005)
Số dư cuối năm	<u>2.957.111.670.000</u>	<u>611.072.430.000</u>	<u>(364.466.650.000)</u>	<u>-</u>	<u>2.223.693.823</u>	<u>318.250.853.070</u>	<u>3.524.191.996.893</u>
Kỳ này							
Số dư đầu năm	2.957.111.670.000	611.072.430.000	(364.466.650.000)	-	2.223.693.823	318.250.853.070	3.524.191.996.893
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	11.630.094.942	11.630.094.942
Số dư cuối năm	<u>2.957.111.670.000</u>	<u>611.072.430.000</u>	<u>(364.466.650.000)</u>	<u>-</u>	<u>2.223.693.823</u>	<u>329.880.948.012</u>	<u>3.535.822.091.835</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu phổ thông

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	295.711.167	295.711.167
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	289.760.188	289.760.188
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	289.760.188	289.760.188
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	5.950.656	5.950.656
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.950.656	5.950.656
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	289.760.188	289.760.188
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	289.760.188	289.760.188
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu.

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011
Doanh thu gộp	144.397.120.832	18.764.099.373
Trong đó:		
Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng (*)	136.172.067.336	15.018.406.630
Doanh thu cho thuê kho, nhà xưởng và văn phòng	2.715.526.909	2.099.937.834
Doanh thu khác	5.509.526.587	1.645.754.909
Trừ:		
Hàng bán trả lại	-	-
Doanh thu thuần	144.397.120.832	18.764.099.373

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012	Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011
Lãi tiền gửi	86.189.203	190.232.072
Lãi từ các khoản phải thu dài hạn (lãi cho vay)	-	37.370.958.907
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	9.870.433.751	12.556.299.259
Tiền lãi từ các khoản phải thu của hợp đồng cho thuê đất và nhà xưởng	-	8.454.869
Lãi mua bán chứng khoán và hoạt động tài chính	9.870.433.751	39.212.337.660
<i>Cổ tức nhận bằng tiền</i>	-	164.661.660
<i>Thu nhập từ chuyển nhượng các khoản đầu tư</i>	-	39.047.676.000
	10.880.748.708	89.338.282.767

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>
Giá vốn đất và cơ sở hạ tầng cho thuê	22.521.348.919	2.304.955.200
Giá vốn kho, nhà xưởng và văn phòng cho thuê	560.978.929	529.390.916
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.376.545.870	2.235.329.043
TỔNG CỘNG	<u>25.458.873.718</u>	<u>5.069.675.159</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	45.146.184.099	65.788.646.700
Chi phí lãi vay	61.762.225.238	60.921.885.483
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	73.435.116	134.409.794
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.813.848.888
TỔNG CỘNG	<u>106.981.844.453</u>	<u>130.658.790.865</u>

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>
Thu nhập khác	1.952.270.509	-
Thu tiền đặt cọc thuê đất	1.952.260.302	-
Khác	10.207	-
Chi phí khác	1.001	-
Chi phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	-	-
Thanh lý tài sản cố định	-	-
Chi phí khác	1.001	-
TỔNG CỘNG	<u>1.952.269.508</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>
Chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng, nhà xưởng và dịch vụ cung cấp	23.743.321.167	139.979.163.069
Chi phí nhân công	6.798.562.279	4.537.663.182
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.184.957.528	1.093.182.589
Trích lập dự phòng	45.146.184.099	65.788.646.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.561.505.151	61.013.217.056
Chi phí hỗ trợ	190.000.000	6.961.429.793
Chi phí khác	259.961.331	14.283.479.611
TỔNG CỘNG	<u>143.884.491.555</u>	<u>293.656.782.000</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đối với hoạt động kinh doanh khu Công nghiệp Quế Võ hiện hữu, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh và bằng 25% cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế TNDN trong bốn năm từ 2005 đến 2008 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong năm tiếp theo. Thuế suất cho năm tài chính 2012 là 10%.

Đối với hoạt động kinh doanh khu Công nghiệp Quế Võ mở rộng, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 25% kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế TNDN trong hai năm từ 2007 đến 2008 và được giảm 50% số thuế phải nộp trong ba năm tiếp theo. Thuế suất cho năm tài chính 2012 là 12,5%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Thuế TNDN hiện hành

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
TỔNG CỘNG	-	-

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

31.2 Chi phí thuế TNDN trong năm

Bảng đối chiếu lợi nhuận kế toán của Công ty với lợi nhuận chịu thuế được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: đồng Việt Nam</i>	
	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012</i>	<i>Cho giai đoạn 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2011</i>
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	11.630.094.942	(50.644.911.950)
Điều chỉnh cho các khoản:		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không có chứng từ hợp lý, hợp lệ	-	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Lợi nhuận công ty con/đầu tư chuyển về	-	-
Thu nhập chịu thuế	11.630.094.942	(50.644.911.950)
Lỗ năm trước chuyển sang	(11.630.094.942)	-
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	54.609.354.027	231.717.817.561
Thuế TNDN trích lập thiếu/ (thừa) năm trước	-	3.096.527.874
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(15.000.000.000)	(21.998.136.569)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	39.609.354.027	212.816.208.867

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch và/hoặc có khoản phải thu/phải trả trong năm với Công ty và các công ty con:

STT	Tên công ty	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	Công ty con
2	Công ty Cổ phần Địa ốc Nam Việt	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghệ Cao Sài Gòn	Công ty liên kết
4	Công ty Cổ phần Thủy điện SGI – Lào	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định	Chung nhà đầu tư
6	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Cần Thơ	Chung nhà đầu tư
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	Chung nhà đầu tư
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	Cổ đông
9	Trường Đại học Hùng Vương	Chung nhà đầu tư
10	Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
11	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Nam Việt	Chung nhà đầu tư
12	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Phương Tây	Chung nhà đầu tư

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: đồng Việt Nam
		Số tiền
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	Trả gốc vay ngắn hạn	755.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghệ Cao Sài Gòn	Lãi vay	33.699.249
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	Chuyển tiền cho vay không lãi	79.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	Lãi vay	45.015.970.572
	Trả lãi vay	9.350.419.592
	Thanh toán qua ngân hàng	210.959.416.192
	Thu tiền qua ngân hàng	211.010.992.599

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	Cho vay	51.635.577.250
	Trả gốc vay	55.687.933.276
	Lãi vay	5.275.456.667
	Trả lãi vay	5.068.036.248
	Lãi tiền gửi	2.362.610.250
	Thanh toán qua ngân hàng	408.342.297.563
	Thu tiền qua ngân hàng	408.362.701.327

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2012, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 5)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	Phải thu tiền thuê văn phòng	1.666.681.548
		1.666.681.548
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)		
Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn	Khác	850.000.000
		850.000.000
Tạm ứng (Thuyết minh số 9)		
Ông Đặng Thành Tâm	Tạm ứng	542.796.957
Ông Đào Hùng Tiến	Tạm ứng	6.554.618.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tạm ứng	7.676.876.620
		14.774.291.577
Phải thu ngắn hạn khách hàng (Thuyết minh số 10)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	Bán đất khu đô thị	104.130.000.000
		104.130.000.000
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 11)		
Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn Bình Định	Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư	254.417.659.750
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang	Tiền trái phiếu KBC Bond 005	317.126.832.812
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng	Lãi vay phải thu (*)	113.745.452.055
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Cần Thơ	Lãi vay phải thu (*)	101.640.575.342
		786.930.519.959

(*) Các khoản phải thu này được khách hàng cam kết thanh toán chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2013 theo cam kết ký ngày 31 tháng 3 năm 2012.

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2012, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 20)		
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang	Trả trước tiền chuyển nhượng đất khu Phúc Ninh	60.000.000.000

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

		60.000.000.000
<hr/>		
<i>Đi vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 18)</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	Vay ngắn hạn	31.100.000.000
<hr/>		
31.100.000.000		
<hr/>		
<i>Chi phí phải trả (Thuyết minh số 22)</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	Lãi vay	72.967.213.113
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	Lãi vay	349.287.086
<hr/>		
73.316.500.199		
<hr/>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24)</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt	Vay dài hạn	86.733.496.395
<hr/>		
86.733.496.395		
<hr/>		
<i>Vay dài hạn bằng trái phiếu (Thuyết minh số 24)</i>		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Tây	Trái phiếu dài hạn	1.500.000.000.000
<hr/>		
1.500.000.000.000		
<hr/>		

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết khoản đi vay, cho vay và lãi phải thu từ các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Số dư VND'000	Thời hạn		Tài sản thế chấp	Lãi cho vay phải thu VND
		Lãi suất	trả nợ vay		
		%/năm			
Đi vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghệ Cao Sài Gòn	112.330.830	0,12%	30 tháng 6 năm 2016	Tín chấp	78.631.581
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	148.254.001	0%	30 tháng 6 năm 2012	Tín chấp	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	12.000.000	0%	20 tháng 6 năm 2012	Tín chấp	-
	272.584.831				78.631.581

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	2.573.057.600	307.677.000
Thù lao Hội đồng Quản trị	3.084.637.500	-
TỔNG CỘNG	5.657.695.100	307.677.000

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư

Tên công ty nhận đầu tư	Tổng vốn điều lệ của đơn vị nhận đầu tư VNĐ	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền VNĐ	Phần vốn cam kết còn phải góp Số tiền VNĐ
		Số tiền VNĐ	%		
1 Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Sài Gòn - Bắc Giang	420.000.000.000	260.400.000.000	62%	235.501.320.000	24.898.680.000
2 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn - Dung Quất	200.000.000.000	80.000.000.000	40%	2.000.000.000	78.000.000.000
3 Công ty Cổ phần Sài Gòn - Bình Phước	180.000.000.000	34.200.000.000	19%	19.000.000.000	15.200.000.000
4 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà máy Điện Sài Gòn - Bình Thuận	1.000.000.000.000	385.000.000.000	38,5%	3.500.000.000	381.500.000.000
5 Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Huế	200.000.000.000	38.000.000.000	19%	23.732.000.000	14.268.000.000
6 Công ty Cổ phần Truyền thông VTC - Saigontel	160.000.000.000	30.720.000.000	19,2%	30.700.200.000	19.800.000
7 Công ty Cổ phần Xi măng Sài Gòn - Tân Kỳ	350.000.000.000	66.500.000.000	19%	2.500.000.000	64.000.000.000
8 Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bắc Giang	3.000.000.000.000	1.530.000.000.000	51%	-	1.530.000.000.000
9 Công ty Cổ phần Năng lượng Sài Gòn - Bình Định	10.000.000.000.000	1.900.000.000.000	19%	483.000.000.000	1.417.000.000.000
10 Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau	70.000.000.000	14.000.000.000	20%	10.000.000.000	4.000.000.000
		4.378.820.000.000		849.933.520.000	3.528.886.480.000

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2012 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản

Theo Quyết định 413/QĐ-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2010 của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, thành phố Hà Nội lựa chọn Công ty làm Chủ đầu tư Dự án Khách sạn Hoa sen Hà Nội diện tích khoảng 40.484m² với tổng số vốn ước tính 250.000.000 đô la Mỹ. Đồng thời, Công ty có trách nhiệm xây dựng một Cung thiếu nhi tại địa bàn vùng xa, vùng khó khăn trên địa bàn Thành phố Hà Nội với tổng trị giá 1.500.000 đô la Mỹ.

Cam kết cho thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, Công ty có các hợp đồng cho thuê nhà xưởng và văn phòng có thời hạn từ 1 đến 3 năm, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: đồng Việt Nam	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	3.442.266.000	9.094.913.530
Trên 1 - 5 năm	9.731.487.268	2.966.781.976
Trên 5 năm	-	-
	13.173.753.268	12.061.695.506

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.



Trần Ngọc Điệp
Kế toán trưởng



Đặng Thành Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2012